

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nguyệt Bình

2. Ông Nguyễn Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Tsần Cống Mênh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân- Kiểm sát viên.

Ngày **28** tháng **11** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 226/2018/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1981(có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố T, thị trấn S, huyện BB, Bình Thuận

-Bị đơn: Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1975(có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố T, thị trấn S, huyện BB, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Ngọc L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị U và anh L sống chung tại nhà mẹ anh L được 03 năm thì ra ở riêng trong căn nhà tạm do chị và anh L tự xây trên đất mẹ anh L cho tại tọa lạc khu phố T, thị trấn S. Khi sống chung chị U không hạnh phúc nhưng vẫn cố chịu do anh L hay ghen và thường xuyên uống rượu vô đánh chị. Đến đầu năm 2018, chị U không còn sống chung trong ngôi nhà do anh chị tạo lập nữa mà ra đi làm thuê và ở riêng đến nay. Nguyên nhân chị đi ở riêng do anh L nhiều lần đánh chị vì quá ghen. Chị có bỏ đi nhiều lần nhưng anh xin tha thứ quay về nhưng anh vẫn tính nào tạt đó không bỏ tính ghen và chị có lần nghĩ quẩn tự tử rồi được cứu. Anh van xin chị trở về sống cùng anh nhưng cũng vậy, mỗi lần gần đây anh L đánh chị, chị báo chính quyền mời lên hứa không đánh chị nhưng không bỏ được tính ghen

đánh vợ nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh Trần Ngọc Lễ được nữa và quyết định xin ly hôn theo qui định pháp luật.

2.Về con chung: Chị U và anh L có 03 con chung: 1/Trần Ngọc L1, sinh ngày 27/12/2000, 2/ Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006, 3/ Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007. Hiện nay các con đang ở với chị U. Chị U yêu cầu nuôi các con và yêu cầu anh Trần Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Thị Kim A và Trần Ngọc H mỗi tháng 1.500.000đ/con cho đến khi cháu A và cháu H đủ 18 tuổi.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

*Đối với bị đơn anh Trần Ngọc L Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về con chung hợp lệ nhưng không đến Tòa án hòa giải và cũng không đưa ra ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử hôm nay.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Trần Ngọc L nhưng thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ.

- Anh Trần Ngọc L trình bày thống nhất về hôn nhân và mâu thuẫn như chị U trình bày. Anh và chị U có tự nguyện sống chung từ 1999 và có cưới nhưng không đăng ký kết hôn và đã có 03 người con chung là 1/ Trần Ngọc L1, sinh ngày 27/12/2000, 2/ Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006, 3/ Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007. Anh thống nhất giao con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận cấp dưỡng nuôi hai con chung là A và H mỗi tháng 750.000đ/tháng/con. Về tài sản chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB kiểm sát việc xét xử và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 196, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự qui định tại Điều 203, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy: Chị U và anh L sống chung với nhau từ năm 1999 đến đầu năm 2018, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận chị Nguyễn Thị U và anh Trần Ngọc L là vợ chồng. Về con chung: Hiện nay các con đang ở với chị U và chị U tiếp tục nuôi các con là Trần Ngọc L1, sinh ngày 27/12/2000, Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006 và Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007. Anh Trần Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền

nuôi con Trần Thị Kim A và Trần Ngọc H mỗi tháng 750.000đ/con cho đến khi cháu A và cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Ngọc L đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đưa ra xét xử là đúng qui định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Ngọc L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3]Về con chung: Mặc dù, chị Nguyễn Thị U và anh Trần Ngọc L không đăng ký kết hôn nhưng có 03 người con chung Trần Ngọc L1, sinh ngày 27/12/2000, Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006, Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007 nên phải có nghĩa vụ về con chung. Hiện nay, chị Nguyễn Thị U đang trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi các con, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con A và H mỗi tháng 750.000đ/con, cháu L1 chị U không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị U phù hợp nguyện vọng của các con. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chưa thành niên nên anh Trần Ngọc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị U mỗi tháng 750.000đ/con là phù hợp điều kiện mức sống và thu nhập hiện nay của anh L và được anh L đồng ý. Xét thấy thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng giữa chị U và anh L là đúng qui định pháp luật được qui định tại Điều 68; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Chị Nguyễn Thị U chịu nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53, 68, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị U và anh Trần Ngọc L là vợ chồng.

2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị U tiếp tục nuôi con chung là: Trần Ngọc L1, sinh ngày 27/12/2000, Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006, Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007. Anh Trần Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Thị Kim A, sinh ngày 18/01/2006, Trần Ngọc H, sinh ngày 10/9/2007 mỗi tháng 750.000đ/con cho đến khi cháu A và H đủ 18 tuổi. Anh Trần Ngọc L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3.Án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015933 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB. Chị U đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Ngọc L phải chịu nộp 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4.Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Dương sự
- UBND thị trấn S
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo

